

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST
Ngày 25-6-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Phùng

Ông Bùi Đình Ngát

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2021/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 5 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lương Dương T, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn L, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị H, sinh năm 1992; đăng ký HKTT: Thôn L, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng. Hiện trú tại: Thôn L1, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 26 tháng 4 năm 2020 và bản tự khai ngày 06 tháng 5 năm 2021, anh Lương Dương T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh tự nguyện tìm hiểu và chung sống với chị Lê Thị H từ giữa năm 2012, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức hỏi, cưới theo P tục truyền thống. Đến ngày 21 tháng 11 năm 2012, mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017 do chị H có mâu thuẫn với mẹ đẻ anh dẫn đến cãi, đánh nhau với em gái anh Thành và còn mâu thuẫn với các thành viên khác trong gia đình anh T. Anh đã góp ý nhưng chị H không nghe nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi mắng, xúc phạm nhau. Đến tháng 12 năm 2020, mâu thuẫn trở lên căng thẳng do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, mất niềm tin về quản lý kinh tế trong gia đình. Chị H là người không trung thực, không biết cách đối xử với gia đình chồng và do chị H còn tự ý nhận nuôi 02 cháu bé không rõ cha mẹ là ai, không làm thủ tục nhận nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật nhưng mang về nhà yêu cầu anh T nhận nuôi, anh T và các thành viên khác trong gia đình không đồng ý thì chị mang hai cháu bé đó đi ở nơi khác. Từ đó, chị không quan tâm đến chồng và con đẻ. Chị H mang theo con nhỏ nhất là Linh Đ bỏ đi khỏi nhà anh từ tháng 01 năm 2021 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh xin ly hôn chị H.

Về con chung: Anh chị có 05 con là Lương Nhất P, sinh ngày 10 tháng 6 năm 2013; Lương Ngọc D, sinh ngày 14 tháng 7 năm 2015; Lương Lâm A, sinh ngày 08 tháng 9 năm 2016; Lương Tú L, sinh ngày 28 tháng 12 năm 2018, Đg do anh nuôi và Lương Linh Đ, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2019 Đg do chị nuôi. Khi ly hôn, anh nhận nuôi các cháu P, D, Lâm A và L, để cháu Đ cho chị H nuôi đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con, anh chị thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Lê Thị H khai thống nhất với anh T về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống hạnh phúc, thời điểm phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T không chia sẻ những khó khăn về kinh tế và công việc gia đình với chị. Khi chị và mẹ chồng có mâu thuẫn dẫn đến chị đánh, cãi nhau với em gái ruột anh Thành năm 2017. Anh T và các thành viên khác trong gia đình anh T không hòa giải mà luôn cho rằng chị là người sai. Năm 2020, chị nhận nuôi 02 cháu bé mới sinh, đưa về nhà đề nghị anh T nhận nuôi nhưng anh T không đồng ý, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, xúc phạm nhau. Chị sống ly thân với anh T từ tháng 01 năm 2021 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Hiện chị vẫn ở nhờ nhà, đất của ông Hoàng Văn T1 và vợ là bà Phạm Thị N tại thôn L1, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng từ khi mâu thuẫn vợ chồng trở lên căng thẳng đến nay. Nay anh T cương quyết xin ly hôn, chị đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 05 con là Lương Nhất P, sinh ngày 10 tháng 6 năm 2013; Lương Ngọc D, sinh ngày 14 tháng 7 năm 2015; Lương Lâm A, sinh ngày 08 tháng 9 năm 2016; Lương Tú L, sinh ngày 28 tháng 12 năm 2018 và Lương Linh Đ, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2019. Ly hôn chị nhận nuôi các cháu

Lâm A, L và Đ, để anh T nuôi cháu P và D đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con, anh chị thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, các đương sự cùng đồng ý ly hôn, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công nợ. Không thỏa thuận được với nhau về vấn đề nuôi con chung sau khi ly hôn và cùng đề nghị xem xét, giải quyết vấn đề nuôi con chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật. Chị H trình bày hiện chị không còn nuôi hai cháu bé, chị tự nhận nuôi nhưng chưa làm thủ tục nhận nuôi con nuôi theo quy định. Các đương sự không tranh luận, đối đáp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lương Dương T, cho anh Lương Dương T được ly hôn chị Lê Thị H.

Về con chung: Giao cháu Lương Nhất P, sinh ngày 10 tháng 6 năm 2013; Lương Ngọc D, sinh ngày 14 tháng 7 năm 2015; Lương Lâm A, sinh ngày 08 tháng 9 năm 2016 và Lương Tú L, sinh ngày 28 tháng 12 năm 2018 cho anh T nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Giao cháu Lương Linh Đ, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2019 cho chị H nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, hai bên đương sự tự thỏa thuận giao, nhận với nhau, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về tài sản chung, công nợ: Anh chị đều không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Lê Thị H là bị đơn có đăng ký HKTT: Thôn L, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng. Hiện trú tại: Thôn L1, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai, các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp. Qua xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của đương sự tại thôn Lạng Côn, Ủy ban nhân dân xã Đ và những người làm chứng cung cấp: Anh T kết hôn với chị H do tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K vào ngày 21 tháng 11 năm 2012. Như vậy, hôn nhân giữa anh Thành và chị H là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017 do chị H có mâu thuẫn với mẹ chồng dẫn đến đánh, cãi nhau với em gái anh T và còn mâu thuẫn với các thành viên khác trong gia đình anh T. Đến tháng 12 năm 2020, mâu thuẫn trở lên căng thẳng do bất đồng quan điểm sống, mất niềm tin về quản lý kinh tế trong gia đình, thiếu trách nhiệm trong việc chăm sóc chồng, con nhưng lại tự ý nhận nuôi 02 cháu nhỏ, không rõ nguồn gốc, không làm thủ tục nhận nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật nhưng lại mang về nhà yêu cầu anh T nhận nuôi. Dẫn đến mâu thuẫn với anh T ngày càng trầm trọng. Các thành viên khác trong gia đình anh Thành có phân tích, góp ý thì chị H có lời lẽ thiếu tôn trọng vì thế vợ chồng thường xuyên cãi nhau, xúc phạm nhau. Anh chị sống ly thân nhau từ tháng 01 năm 2021 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Do đó, có đủ cơ sở để xác định hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, yêu cầu xin ly hôn của anh T có căn cứ, cần được chấp nhận, nên xử cho anh T được ly hôn chị H là phù hợp với các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cũng như ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3] Về con chung: Anh chị có 05 con là Lương Nhất P, sinh ngày 10 tháng 6 năm 2013, Lương Ngọc D, sinh ngày 14 tháng 7 năm 2015, Lương Lâm A, sinh ngày 08 tháng 9 năm 2016, Lương Tú L, sinh ngày 28 tháng 12 năm 2018 Đg do

anh T nuôi và Lương Linh Đ, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2019 Đg do chị H nuôi. Xét nguyện vọng của anh T nhận nuôi 04 con là P, D, Lâm A, L, để chị H nuôi cháu Linh Đ và nguyện vọng của chị H nhận nuôi 03 con là Lâm A, Linh, Đ, để anh T nuôi các cháu P, D. Cháu P có nguyện vọng xin được ở với anh T. Qua xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của đương sự tại thôn Lạng Côn, Ủy ban nhân dân xã Đ và những người làm chứng cung cấp: Anh T có việc làm ổn định là nhân viên của Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hải Phòng và anh còn có việc làm thêm là làm dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa ở Cảng Hải Phòng nên có tổng thu nhập trung bình khoảng từ 13.000.000^d/01 tháng trở lên. Hiện nay, anh T còn có 80.000.000 đồng gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện K, thành phố Hải Phòng. Từ khi chị H bỏ nhà đi nơi khác ở nhờ đến nay, cháu Linh mới được 30 tháng tuổi và các cháu P, D, Lâm A cũng còn nhỏ nhưng vẫn được anh T chăm sóc rất rất đầy đủ, đảm bảo về sức khỏe, học tập, các chi phí sinh hoạt thiết yếu khác và còn có sự giúp đỡ của mẹ để anh T chăm sóc trực tiếp cho các cháu hàng ngày. Chị H có bán gấu bông Online nhưng thu nhập không cụ thể, không ổn định, điều kiện về thu nhập rất khó khăn, chị H bị bệnh về tuyến giáp, phải điều trị thuốc, đến nay vẫn phải theo dõi, khám theo định kỳ. Hiện chị chưa có chỗ ở riêng ổn định nên ông Hoàng Văn T1 và vợ là bà Phạm Thị N cho chị ở nhờ, không lấy tiền thuê nhà tại thôn L1, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng. Chi phí điện, nước sinh hoạt hàng tháng, ông bà phải tự nộp thay để hỗ trợ cho chị. Mẹ đẻ chị H có đơn xin xác nhận về việc có nhà ở thôn G, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa và đồng ý cho chị ở nhờ khi vợ chồng ly hôn. Tuy nhiên, qua xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ như đã nêu trên. Xác định, chị chưa có đủ điều kiện về kinh tế, chỗ ở ổn định, sức khỏe để nhận nuôi nhiều con. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy anh T có đầy đủ các điều kiện về chỗ ở ổn định lâu dài, thu nhập cao và ổn định hơn chị H nên cần giao các cháu P, D, Lâm A và L cho anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi; giao cháu Linh Đ cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp với các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, anh T và chị H đã tự thỏa thuận giao nhận với nhau, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh T và chị H đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Anh chị đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương Dương T được ly hôn chị Lê Thị H.
2. Về con chung: Giao cháu Lương Nhất P, sinh ngày 10 tháng 6 năm 2013, Lương Ngọc D, sinh ngày 14 tháng 7 năm 2015, Lương Lâm A, sinh ngày 08 tháng 9 năm 2016 và Lương Tú L, sinh ngày 28 tháng 12 năm 2018 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Giao cháu Lương Linh Đ, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2019 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng, anh T và chị H đã tự thỏa thuận giao nhận với nhau, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh T và chị H đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ: Anh chị đều không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh T phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu ký hiệu: AA/2016, số: 0009116 ngày 06 tháng 5 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Anh T đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh T, chị H đều có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7^a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K, HP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện K, HP;
- UBND xã Đ, huyện K, HP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Đức Hoàng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Đình Phùng Bùi Đình Ngát

Nguyễn Đức Hoàng

